

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT
ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN QUANG KHẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2016 - 2017

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	386	79	80	79	70	78
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	386	79	80	79	70	78
III	Số học sinh chia theo năng lực	385	78	80	79	70	78
1	Tốt (T)	286	49	60	72	55	50
2	Đạt (Đ)	97	28	20	7	15	27
3	Cần cố gắng (C)	2	1				1
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất	385	78	80	79	70	78
1	Tốt (T)	292	59	58	70	56	49
2	Đạt (Đ)	91	18	22	9	14	28
3	Cần cố gắng (C)	2	1				1
V	Số học sinh chia theo học lực						
1	Tiếng Việt	385	78	80	79	70	78
a	Điểm 9 - 10	272	70	46	49	52	55
b	Điểm 7 - 8	96	5	30	23	18	20
c	Điểm 5 - 6	13		4	7		2
d	Điểm dưới 5	4	3				1
2	Toán	385	78	80	79	70	78
a	Điểm 9 - 10	232	57	47	51	25	52
b	Điểm 7 - 8	108	12	26	24	25	21
c	Điểm 5 - 6	41	6	7	4	20	4
d	Điểm dưới 5	4	3				1
3	Khoa học	148				70	78
a	Điểm 9 - 10	117				62	55
b	Điểm 7 - 8	22				7	15
c	Điểm 5 - 6	8				1	7
d	Điểm dưới 5	1					1
4	Lịch sử và Địa lí	148				70	78
a	Điểm 9 - 10	114				58	56

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
b	Điểm 7 - 8	24				8	16
c	Điểm 5 - 6	10				4	6
d	Điểm dưới 5						
5	Tiếng Anh	385	78	80	79	70	78
a	Điểm 9 - 10	200	40	53	43	35	29
b	Điểm 7 - 8	97	19	22	20	20	16
c	Điểm 5 - 6	88	19	5	16	15	33
d	Điểm dưới 5						
6	Tin học	385	78	80	79	70	78
a	Điểm 9 - 10	213	41	41	45	53	33
b	Điểm 7 - 8	172	37	39	34	17	45
c	Điểm 5 - 6						
d	Điểm dưới 5						
7	Đạo đức	385	78	80	79	70	78
a	Hoàn thành tốt (T)	288	55	62	62	53	56
b	Hoàn thành (H)	96	22	18	17	17	22
c	Chưa hoàn thành (C)	1	1				
8	Tự nhiên và Xã hội	237	78	80	79		
a	Hoàn thành tốt (T)	169	54	62	53		
b	Hoàn thành (H)	68	24	18	26		
c	Chưa hoàn thành (C)						
9	Âm nhạc	385	78	80	79	70	78
a	Hoàn thành tốt (T)	296	70	59	57	53	57
b	Hoàn thành (H)	89	8	21	22	17	21
c	Chưa hoàn thành (C)						
10	Mĩ thuật	385	78	80	79	70	78
a	Hoàn thành tốt (T)	169	38	37	35	31	28
b	Hoàn thành (H)	216	40	43	44	39	50
c	Chưa hoàn thành (C)						
11	Thủ công (Kĩ thuật)	385	78	80	79	70	78
a	Hoàn thành tốt (T)	223	49	45	42	42	45
b	Hoàn thành (H)	162	29	35	37	28	33
c	Chưa hoàn thành (C)						
12	Thể dục	385	78	80	79	70	78
a	Hoàn thành tốt (T)	158	35	29	29	29	36
b	Hoàn thành (H)	227	43	51	50	41	42
c	Chưa hoàn thành (C)						
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp thẳng	381	75	80	79	70	77
a	Trong đó: Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện	125	31	26	27	20	21

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
b	Học sinh có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc	52	9	10	11	14	8
c	Học sinh có thành tích đột xuất trong năm học	19		2	1	1	15
2	Lên lớp	304	75	80	79	70	
3	Kiểm tra lại	4	3				1
4	Lưu ban	1					1
5	Bỏ học	1	1				
VII	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học	77					77

Ghi chú: Trường có 01 học sinh học hòa nhập: không đánh giá xếp loại.

Quận 1, ngày 02 tháng 6 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Quang Tuấn